

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 158/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2026;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2); Địa chỉ trụ sở chính: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Chiêu M – Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân 3 – Trung tâm Thu hồi nợ KHCN.

Theo Văn bản ủy quyền số 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/3/2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V1.

Người được ông Trịnh Chiêu M ủy quyền lại:

Ông Quách Đức T – Trưởng Bộ phận xử lý nợ.

Ông Nguyễn Thành T1 – Chuyên viên xử lý nợ.

Ông Ngô Tiến Đ – Chuyên viên xử lý nợ

Theo giấy ủy quyền số 4595338/2026/KK-VPB ngày 15/5/2026 của ông Trịnh Chiêu M cho ông Quách Đức T, ông Nguyễn Thành T1 và ông Ngô Tiến Đ.

Bị đơn: Bà Vũ Xuân Q, sinh năm: 1983; HKTT: số 14 ngách B, ngõ B C, phường Ô, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú: 116 C V, xã N, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tổng số nợ: Đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Thành T1 và bị đơn bà Vũ Xuân Q đều xác nhận tính đến ngày 10/9/2026, bà Q còn nợ ngân hàng V2 số tiền:

Nợ gốc: 14.511.269.681 đồng

Nợ lãi: 11.085.773.365 đồng

Tổng cộng: 15.597.043.046 đồng
(bằng chữ: Mười lăm tỷ năm trăm chín mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ba nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng).

2.2. Về phương thức thanh toán và xử lý tài sản thế chấp:

Đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Thành T1 và bị đơn bà Vũ Xuân Q thỏa thuận thống nhất như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 10/10/2026 bà Q phải thanh toán trả ngân hàng số tiền 1.598.000.000 đồng.

- Đợt 2: Chậm nhất đến ngày 10/11/2026 bà Q phải thanh toán trả ngân hàng số tiền 1.598.000.000 đồng.

- Đợt cuối: Chậm nhất đến ngày 10/12/2026 bà Q phải thanh toán trả ngân hàng V2 toàn bộ dự nợ còn lại và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/9/2026 cho đến ngày thực tế thanh toán được toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà Vũ Xuân Q vi phạm bất kỳ một kỳ trả nợ nào như đã nêu ở trên thì ngân hàng V2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bà Vũ Xuân Q để thu hồi nợ cho V2 là:

a. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 892405, số vào sổ cấp GCN: CN09666 tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 71, tại địa chỉ TDP V, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là: TDP T, phường V, tỉnh Bắc Ninh) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14/8/2024, chủ sử dụng đất ông Tông Ngọc V. Ngày 07/3/2025, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V, tỉnh Bắc Giang xác nhận thửa đất trên đã được chuyển nhượng cho bà Vũ Xuân Q theo hồ sơ biến động số 002607.

Chi tiết Hợp đồng thế chấp số 15/HĐTC-2025 số công chứng 473 Quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 11/03/2025 tại Văn phòng C. Hợp đồng thế chấp được các bên ký bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

b. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA 02891566, số vào sổ cấp GCN: CN150 tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 27 tại thôn H, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là: thôn H, xã T, thành phố Hà Nội) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/6/2025, chủ sử dụng đất bà Mai Thị Thu T2 và chồng là ông Nguyễn Văn Q1 Ngày 28/8/2025, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thành phố Hà Nội xác nhận thửa đất trên đã chuyển nhượng cho bà Vũ Xuân Q theo hồ sơ số 000150.CN.001.

Chi tiết Hợp đồng thế chấp Số công chứng 5587/2025/CCGD tại Văn phòng C1 giữa Bà Vũ Xuân Q và Ngân hàng V2. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng Bà Vũ Xuân Q. Hợp đồng thế chấp được các bên ký bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

c. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA 02891595, số vào sổ cấp GCN: CN176 tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 27, tại thôn H, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là: thôn H, xã T, thành phố Hà Nội) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/6/2025, chủ sử dụng đất bà Mai Thị Thu T2 và chồng ông Nguyễn Văn Q1. Ngày 28/8/2025, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thành phố Hà Nội xác nhận thửa đất trên đã được chuyển nhượng cho bà Vũ Xuân Q theo hồ sơ số 000176.CN.001.

Chi tiết Hợp đồng thế chấp Số công chứng 5587/2025/CCGD tại Văn phòng C1 giữa Bà Vũ Xuân Q và Ngân hàng V2. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng Bà Vũ Xuân Q. Hợp đồng thế chấp được các bên ký bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ trả nợ cho V2 thì bà Vũ Xuân Q vẫn tiếp tục phải trả nợ cho V2 cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

2.3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận thống nhất bị đơn là bà Vũ Xuân Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 61.798.521 đồng (*Sáu mươi một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm hai mươi một đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.380.000 đồng (*Sáu mươi một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003512 ngày 29/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND Khu vực 4 – Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ THOA